

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST

Ngày 17-02-2025

“V/v Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Kim Thúy;

Ông Nguyễn Quang Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh  
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:  
Bà Hoàng Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3  
năm 2024, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án  
ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các  
đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện  
T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Ngô Đức T, sinh năm 1977; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã Đ,  
huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ hiện nay: Số H tầng A đoạn C đường T, thôn  
Đ, xã Đ, huyện C, Đài Loan. Địa chỉ dịch sang tiếng anh: 1, N.88, S, Zhongshan  
R, D, C, T1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Tạ Thị L trình bày:

Chị và anh Ngô Đức T kết hôn ngày 07/10/1999 tại UBND xã Đ trên cơ  
sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau  
khi cưới, chị về chung sống với gia đình anh T tại thôn G (nay là L), xã Đ,  
huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian đầu chung sống vợ chồng sống hạnh phúc.  
Cuối năm 2019, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến năm 2022, chị  
với anh T xảy ra mâu thuẫn, khoảng cách địa lý xa không có tiếng nói chung

trong hôn nhân. Sau khoảng 2 tháng từ khi sang Đài Loan, anh T có mối quan hệ khác tại Đài Loan, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không nói chuyện gì với nhau, không thăm hỏi, động viên, quan tâm tới nhau. Do tình cảm hôn nhân không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Đức T.

Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là cháu Ngô Đức T2 (sinh năm 1999) và Ngô Thị Vân A (sinh năm 2002). Hiện nay các cháu đều trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng; vay nợ; công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Ngô Đức T:* Tòa án đã xác minh tại cục X thể hiện anh T đi xuất cảnh lần cuối vào ngày 15/01/2020 qua cửa khẩu N1, Hà Nội nhưng chưa nhập cảnh về Việt Nam (BL 37). Tòa án cũng đã gửi cho Văn phòng K đề tống đạt các văn bản tố tụng, đăng thông báo niêm yết theo địa chỉ mà chị L cung cấp và đề nghị phối hợp lấy lời khai thể hiện quan điểm của anh T nhưng chưa nhận được phản hồi nào. Tòa án cũng đã thực hiện các thủ tục niêm yết văn bản tố tụng tại Tòa án, cũng đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết tại nơi cư trú của anh Ngô Đức T, tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Tòa án tiến hành xác minh thông tin về anh T qua mẹ đẻ của anh là bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1947, cư trú tại: thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo đó, bà T3 cũng trình bày về tình trạng hôn nhân của anh T và chị L như chị L trình bày ở trên. Tòa án đã gửi giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho anh T về địa chỉ bà T3, bà T3 đã thông báo lại toàn bộ nội dung các văn bản cho anh T, nhưng bà không biết địa chỉ của anh T. Tuy nhiên, theo bà T3 do anh T đang sinh sống và lao động tại Đài Loan nên không có điều kiện về để tham gia tố tụng theo quy định pháp luật. Anh T nhờ bà T3 trình bày quan điểm của anh T về việc chị L xin ly hôn như sau:

Về tình cảm: Anh T đồng ý ly hôn với chị L;

Về con chung: Bà T3 cũng thống nhất như chị L khai, nay các cháu đã trưởng thành, trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh T, chị L không có gì.

Bà T3 đề nghị những văn bản tố tụng, bản án của Tòa án gửi về cho bà để bà gửi cho anh T.

Tòa án đã tiến hành làm việc với Ngô Đức T2 (sinh năm 1999) và Ngô Thị Vân A (sinh năm 2002) – là con của chị Tạ Thị L, anh Ngô Đức T, đã cung cấp những nội dung sau:

Bố, mẹ của anh T2, chị Vân A kết hôn năm 1999 tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn bố, mẹ của anh, chị về chung sống cùng nhau ở thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Về tình cảm bố mẹ của anh chị ban đầu chung sống hạnh phúc

không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng cuối năm 2019 đầu năm 2020, bố của anh, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ khi đi đến nay vẫn chưa về nhà. Do bố mẹ khoảng cách quá xa, không có nhiều thời gian hỏi han chăm sóc nhau, tình cảm dần phai nhạt, thời gian bố anh, chị đi Đài Loan lâu cũng chưa biết khi nào về nước. Các anh, chị vẫn thường xuyên liên lạc (do bố gọi về), nhưng về địa chỉ cụ thể nơi hiện nay đang sinh sống và làm việc ở đâu; số điện thoại, địa chỉ anh chị không biết do bố anh, chị không nói, do vậy không cung cấp được địa chỉ và số điện thoại liên hệ của bố. Do tình cảm bố mẹ không còn, cũng không liên lạc nữa, mẹ của anh, chị có yêu cầu xin ly hôn bố thì anh, chị đồng ý không có ý kiến gì. Nay anh, chị đều trên 18 tuổi nên không có yêu cầu gì khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn, bị đơn, đương sự đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không có mặt tại Việt Nam nên không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án này, Cục X- Bộ C đã có công văn trả lời: Anh Ngô Đức T, sinh ngày 02/3/1977, có thông tin nhập cảnh nhiều lần (05 lượt), lần cuối xuất cảnh ngày 15/01/2020 qua cửa khẩu N1 bằng hộ chiếu số B8863008, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Mẹ anh T là bà T3 cũng khẳng định hiện anh T đang lao động, làm việc ở Đài Loan. Tòa án tỉnh Vĩnh Phúc đã tiến hành ủy thác cho Văn phòng K1 tại Đ tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã yêu cầu bà T3 cung cấp địa chỉ của anh T, tuy nhiên bà T3 khẳng định gia đình vẫn liên lạc với anh T, nhưng anh T không cung cấp địa chỉ nên gia đình bà T3 không có địa chỉ của anh T để cung cấp cho Tòa án. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì trong vụ án này, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành thụ lý, niêm yết các văn bản tố tụng tại Tòa án tỉnh, trụ sở UBND xã Đ, nhà anh T và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là có căn cứ và đúng quy định.

Về việc giải quyết đối với vụ án, đề nghị: Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Cho chị Tạ Thị L được ly hôn anh Ngô Đức T; Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Tạ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị L và anh T là vợ chồng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp; hiện có căn cứ khẳng định anh T đang xuất cảnh lao động ở nước ngoài, chưa nhập cảnh về Việt Nam. Chị L có đơn đề nghị ly hôn, nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hôn nhân và gia đình”. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn là chị Tạ Thị L đã được Tòa án TAND tỉnh Vĩnh Phúc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; chị L đã có bản tự khai và đơn xin vắng tại các buổi hòa giải, xét xử. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại cục X thể hiện anh T đi xuất cảnh lần cuối vào ngày 15/01/2020 qua cửa khẩu N1, Hà Nội nhưng chưa nhập cảnh về Việt Nam (BL 37). Tòa án cũng đã gửi cho Văn phòng K đề tổng đạt các văn bản tố tụng, đăng thông báo niêm yết theo địa chỉ mà chị L cung cấp và đề nghị phối hợp lấy lời khai thể hiện quan điểm của anh T nhưng chưa nhận được phản hồi nào. Thông qua mẹ của anh T là bà Nguyễn Thị T3 và hai con là Ngô Đức T2 và Ngô Thị Vân A thì có căn cứ xác định anh T vẫn liên hệ với gia đình ở Việt Nam nhưng gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ, tin tức của anh T cho Tòa án. Vì vậy, coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành thụ lý, niêm yết các văn bản tố tụng tại Tòa án tỉnh, trụ sở UBND xã Đ, nhà anh T và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là có căn cứ.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T; và Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Tạ Thị L:

Chị Tạ Thị L và anh Ngô Đức T kết hôn tại xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 07/10/1999, trên cơ sở tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình chồng anh T tại thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc nhưng khoảng năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Cùng năm đó, anh T đi sang Đài Loan để làm kinh tế, kể từ đó vợ chồng ly thân, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay, chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện có căn cứ anh T ở nước ngoài nhưng chị L chỉ cung cấp địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam; nguyên đơn cũng như gia đình nhà bị đơn không cung cấp được địa chỉ của anh T ở nước ngoài. Áp dụng hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, cụ thể “Vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài là một trường hợp đặc thù; quyền ly hôn là một trong các quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, trường hợp người Việt Nam ở trong nước xin ly hôn với người Việt Nam ở nước ngoài và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của bị đơn mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài, nếu thông qua thân nhân của bị đơn mà có căn cứ để xác định họ vẫn có liên hệ với thân nhân ở trong nước nhưng thân nhân của họ không cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án ... thì coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Nếu Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của họ cũng không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án ... thì Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung”.

Vợ chồng giữa chị L và anh T đã xa cách nhau lâu (từ năm 2020 đến nay), không còn quan tâm nhau, không thể hiện được sự gắn kết, không thực hiện được nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau của vợ chồng; mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị L được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Ngô Đức T2, sinh năm 1999 và Ngô Thị Vân A sinh năm 2002, cả hai con nay đã trưởng thành trên 18 tuổi, tự lập nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Tạ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; hiện anh T vắng mặt, chưa có lời khai, quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết mà sẽ được xem xét, giải quyết sau nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Tạ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Tạ Thị L được ly hôn anh Ngô Đức T.
2. Về con chung: các con của anh T, chị L đều trên 18 tuổi, trưởng thành nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Tạ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007321 ngày 14/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc (do anh Đỗ Văn H nộp thay). Xác nhận chị Tạ Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Đạo Tú, huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Phòng HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Mạnh**